

Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản tại Đắk Lắk: xu hướng mới trong phát triển nông nghiệp bền vững

Bùi Việt Hưng¹, Nguyễn An Hà², Hoa Hữu Cường³

^{1, 2, 3} Viện Nghiên cứu châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: anhad4@yahoo.com

Nhận ngày 16 tháng 03 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Tóm tắt: Chuỗi cung ứng ngắn với đặc trưng đưa các hàng hóa nông sản từ người sản xuất đến tận tay người tiêu dùng theo hình thức trực tiếp, đang đóng góp vào sự phát triển bền vững khu vực nông thôn trên các góc cạnh kinh tế - xã hội và môi trường. Đắk Lắk được thiên nhiên ưu đãi cho nguồn đất đỏ bazan màu mỡ, cùng điều kiện khí hậu ôn hòa, tạo điều kiện phát triển các cây trồng nông nghiệp có giá trị cao. Sự bùng nổ về quy mô trồng trọt, cùng sự trỗi dậy về giá nông sản, dẫn đến thu nhập người dân không ổn định, người tiêu dùng quay lưng với sản phẩm địa phương bởi mẫu mã, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng kỳ vọng. Chính vì vậy, việc áp dụng chuỗi cung ứng ngắn với mục tiêu tạo ra những sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao, có khả năng truy xuất, cải thiện niềm tin và nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm địa phương đang được xem là vấn đề hết sức cấp thiết.

Từ khóa: Chuỗi cung ứng ngắn, Đắk Lắk, nông sản, phát triển bền vững.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The short supply chain, with the characteristics of bringing agricultural products from the producer to the consumer in a direct manner, is contributing to the sustainable development of rural areas in terms of socio-economic and environmental aspects. The province of Dak Lak is blessed with fertile basalt soil and mild climate conditions, which facilitates the development of high-value agricultural crops. The booming in the scale of cultivation, coupled with the fluctuation in the price of farmproduce, has led to the people's unstable income, and consumers turning away from local products as their design and quality have not met the expectations. Therefore, the application of a short supply chain with the goal of creating safe, high-quality, traceable agricultural products, improving consumer confidence in and demand for local products is considered a very urgent issue.

Keywords: Short supply chain, Dak Lak, agricultural products, sustainable development.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản ở Việt Nam nói chung và ở Đắk Lắk nói riêng còn khá mới, chưa được phát triển và áp dụng theo những lý thuyết hoàn chỉnh của chuỗi cung ứng truyền thống, nhiều trung gian, hay chuỗi cung ứng toàn cầu (Bùi Thị Nga và cộng sự, 2021, tr.14). Xu hướng phổ biến và chi phối trong hệ thống phân phối các sản phẩm nông nghiệp, mặt hàng thực phẩm công nghiệp hay các chuỗi giá trị toàn cầu hiện vẫn do các nhà bán lẻ thống trị và phân bố không đồng đều giữa các chủ thể khác nhau và mang đặc trưng là dài, phức tạp và được buôn bán trên các thị trường quốc tế (Bùi Việt Hưng, 2020, tr.1). Quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế dẫn đến sự độc quyền của các tập đoàn đa quốc gia đối với việc cung ứng hàng hóa nông sản (khai thác lợi thế cạnh tranh và tính kinh tế theo quy mô). Sự chi phối và áp đặt giá như vậy đang gây ra sự không công bằng cho các nhà sản xuất, trang trại quy mô nhỏ, hộ nông dân. Bên cạnh đó, trong chuỗi cung cấp truyền thống như vậy, người tiêu dùng thực sự không biết chính xác về nguồn gốc, chất lượng, phương thức sản xuất của sản phẩm. Mô hình chuỗi truyền thống cũng đang dần làm mất đi bản sắc văn hóa truyền thống, kỹ năng, kiến thức sản xuất ở cả người sản xuất cũng như người tiêu dùng.

Khái niệm Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản (Short Food Supply Chains - SFSC) được Marsden (Marsden, et al., 2000) đưa ra, sau đó được bổ sung bởi Renting H. (Renting H., et al., 2003), Renting H. cho rằng, đây là thuật ngữ mô tả một loạt khu vực rộng, bao gồm: quá trình sản xuất, phân phối và tiêu thụ thực phẩm như chợ nông trang (farmers' market), cửa hàng trang trại (farm shops), cửa hàng hợp tác xã nông dân (collective farmers' shops), nông nghiệp hỗ trợ cộng đồng (community - supported agriculture). Chuỗi

cung ứng ngắn được phân tích và giải thích như là một chiến lược để cải thiện khả năng phục hồi của các trang trại gia đình với sự hỗ trợ của người tiêu dùng, cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội dân sự. Chuỗi cung ứng nông sản ngắn được xem là một trong những sáng kiến thay thế cho chuỗi cung ứng truyền thống và đang có xu hướng bùng nổ, chiếm một thị phần lớn trong thị trường hàng hóa nông sản, đã và đang được các nhà hoạch định chính sách quan tâm, xem xét và thể chế hóa thành các quy định luật pháp.

Sự phát triển của chuỗi cung ứng nông sản ngắn được xem như là một động lực làm thay đổi khu vực nông thôn, tạo ra sự phát triển bền vững cả trong nông nghiệp và nông thôn. Đến nay, theo lý thuyết thì hiện có ba loại hình SFSC chính, đó là: (1) bán hàng trực tiếp bởi các cá nhân (direct sale by individuals): đây là hình thức đơn giản nhất của chuỗi cung ứng ngắn liên quan đến các giao dịch trực tiếp giữa những người nông dân và người tiêu dùng. Với mô hình này, nông dân tự mở các cửa hàng để bán các sản phẩm trực tiếp của họ hoặc bán các sản phẩm của các trang trại khác; (2) bán hàng trực tiếp qua các nhóm (collective direct sale): các hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã (HTX) hợp tác với nhau để bán trực tiếp các sản phẩm của mình; (3) đối tác người tiêu dùng - nhà sản xuất (consumer - producer - partnership) được thực hiện thông qua các thỏa thuận ký kết bao tiêu sản phẩm giữa người tiêu dùng với người sản xuất (F. Galli, G. Brunori (eds.), 2013, tr.1).

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở vị trí trung tâm của vùng Tây Nguyên (phía bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa, phía nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông, phía tây giáp Campuchia), tạo ra một vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng, an ninh. Với diện tích tự nhiên là 13.125 km², Đắk Lắk được

thiên nhiên ưu đãi cho nguồn đất đỏ bazan màu mỡ với hơn 300.000 ha cùng điều kiện khí hậu ôn hòa... tạo điều kiện cho Đắk Lắk phát triển và sản xuất nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp như: cao su, cà phê, hồ tiêu, xoài, sầu riêng, bơ... với năng suất, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cho xuất khẩu đã được tỉnh Đắk Lắk xác định là các sản phẩm nông sản chủ lực, góp phần cải thiện và ổn định đời sống người dân.

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức khó khăn (đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu theo chiều hướng cực đoan, sự giảm sút trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu, xu hướng bảo hộ với những rào cản về thương mại hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động ngoại thương ngày càng có xu hướng gia tăng, làm hạn chế hoạt động xuất khẩu), song, với việc thực hiện tái cơ cấu các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tập trung vào những ngành có lợi thế cạnh tranh, tiềm năng của tỉnh để hình thành các ngành, sản phẩm mũi nhọn, chủ lực... trong thời gian qua đã mang lại những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Đắk Lắk (Lan Anh, 2019).

Xu hướng phát triển nông nghiệp theo chuỗi với mục tiêu tạo ra những sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao, có khả năng truy xuất và hơn hết, gây dựng lại được niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm địa phương... đang được xem là những thách thức đặt ra mà Đắk Lắk cần tìm hướng giải quyết.

Nhằm đánh giá nhận thức của các hộ nông dân đối với việc cung ứng sản phẩm nông sản theo chuỗi cung ứng ngắn, thực trạng cung ứng các sản phẩm nông sản chủ lực (bơ, xoài, sầu riêng), phân tích những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong quá trình triển khai chính sách, thể chế thực

hiện chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông nghiệp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, thu thập số liệu bằng phương pháp bảng hỏi, phỏng vấn sâu các nhà quản lý tại Đắk Lắk.

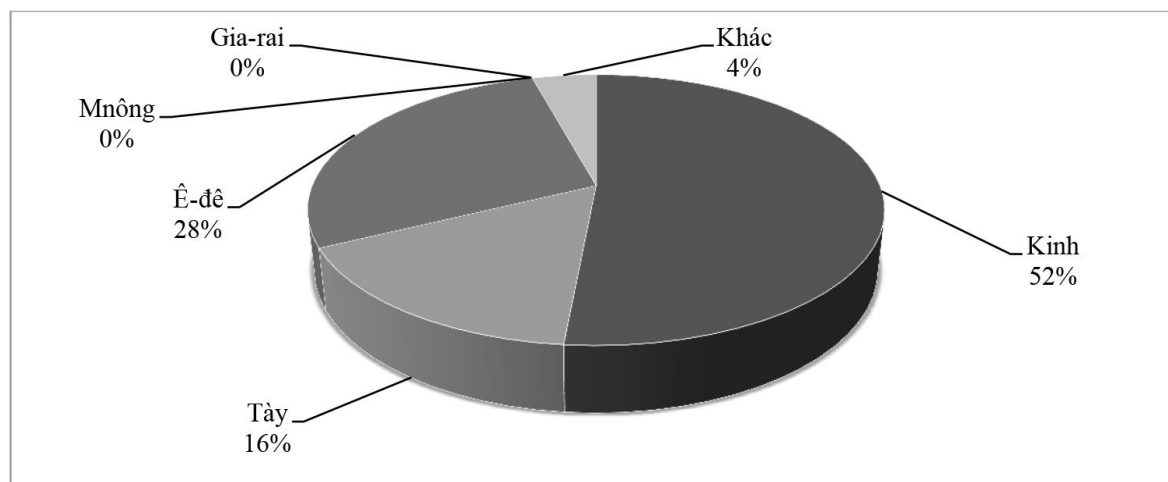
Nghiên cứu này⁴ thực hiện khảo sát đối với tất cả các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản. Trên cơ sở chọn mẫu phân tầng có chủ đích với 100 hộ nông dân, trang trại trồng, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, 100 người tiêu dùng được phỏng vấn tại các trung tâm siêu thị, chợ huyện và chợ xã, 50 HTX nông nghiệp trên địa bàn, 50 phiếu phỏng vấn sâu với các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách tại các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk, UBND các địa bàn điều tra khảo sát của Đắk Lắk, các Sở, ngành liên quan của tỉnh Đắk Lắk.

2. Thực trạng chuỗi cung ứng nông sản ở Đắk Lắk

Hoạt động sản xuất và cung ứng các sản phẩm nông sản tại Đắk Lắk bị chi phối bởi nhóm người Kinh di cư từ các tỉnh như: Hải Dương, Nam Định, Nghệ An... nhóm người đồng bào, dân tộc chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ.

Tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm nông sản tại 3 huyện: Krông Pắc, Cư M'gar, Ea Súp, các hộ nông dân trồng trọt lại đa phần là người Kinh (chiếm 52%), các dân tộc khác như: Tày, Ê-đê, Mnông chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ, tương ứng với (16% và 28%). Chính vì vậy, phương thức trồng trọt và tiêu thụ các sản phẩm nông sản ở Đắk Lắk bị chi phối và hoạt động theo phương thức truyền thống của người Kinh, không có nhiều khác biệt so với các địa phương khác như: Hải Dương, Nam Định, Nghệ An.

Hình 1: Thành phần dân tộc

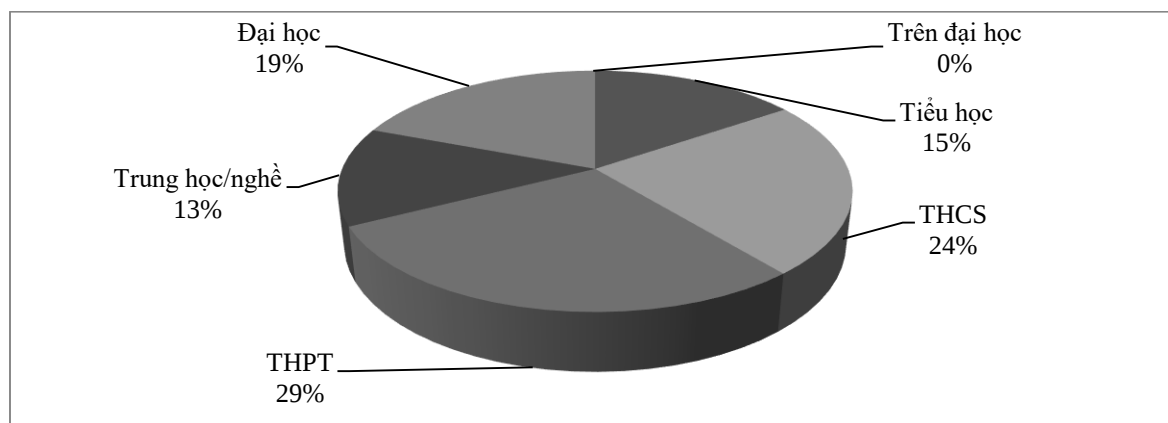


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

Trình độ học vấn cao quyết định phương thức sản xuất nông nghiệp. Hình 2 cho thấy, trình độ học vấn của các nông hộ ở Đắk Lắk là khá cao, đa phần các chủ hộ sản xuất đều đạt được trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) (24%), trung học phổ thông (THPT) (29%), thậm chí có đến 19% số hộ trả lời cho rằng, mình đạt được trình độ đại học. Trình độ học vấn của người dân ở Đắk Lắk khá cao so với một số địa phương khác trong khu vực Tây Nguyên, điều đó cho thấy quy mô và phương thức sản xuất đối

với các loại cây (sầu riêng, bơ, xoài) đều được người dân thực hiện theo những quy trình kỹ thuật (VietGAP, GlobalGAP, EuroGAP). Quan sát thực tiễn của nhóm nghiên cứu cũng khẳng định, các vườn xoài tại huyện Ea Súp được trồng trọt, tưới tiêu, bọc quả theo các quy trình sản xuất đã được quy định nhằm hướng đến mục tiêu xuất khẩu sang không chỉ thị trường Trung Quốc, mà có tham vọng lớn hơn là sang các thị trường khó tính như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Úc....

Hình 2: Trình độ học vấn



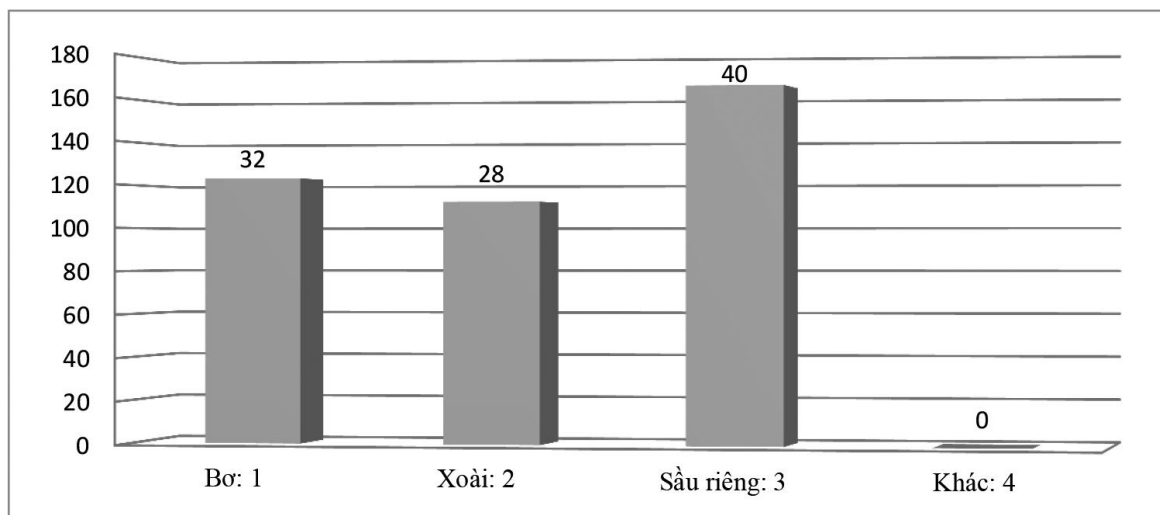
Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

Các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (bơ, xoài, sầu riêng) mang lại thu nhập cao cho người dân. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng thừa về nguồn cung trong một vài năm gần đây. Với mục tiêu phân tích và làm rõ hơn các mô hình cung ứng 3 loại quả chủ lực (bơ, xoài, sầu riêng), nhóm tác giả đã nghiên cứu tài liệu thứ cấp, phân tích số liệu thống kê để lựa chọn 3 huyện trồng những loại cây chủ lực. Kết quả khảo sát tại 3 huyện (Krông Pắc, Cư M'gar, Ea Súp) cho thấy, các hộ sản xuất đã đi vào sản xuất chuyên canh theo quy mô lớn, tập trung vào các sản phẩm

mang tính chủ lực cho thu nhập cao. Điều này cũng khẳng định quy hoạch và phát triển các loại cây chủ lực của Đắk Lắk trong thời gian qua là đúng hướng. Sản lượng cây trồng cao, tạo ra thu nhập ổn định cho người dân. Đây cũng là lý do mà diện tích cây trồng của Đắk Lắk hiện đang tăng cao vượt dự kiến. Điều này tất yếu dẫn đến khủng hoảng thừa về nguồn cung, nếu như các chính sách của địa phương không mở ra các hướng đi mới mà chỉ thực hiện phương thức cung ứng sản phẩm nông sản theo lối mòn truyền thống với tầng lớp trung gian bán buôn, bán lẻ, manh mún...

Hình 3: Số nông hộ trồng các loại nông sản

Đơn vị: Hộ nông dân sản xuất nông nghiệp

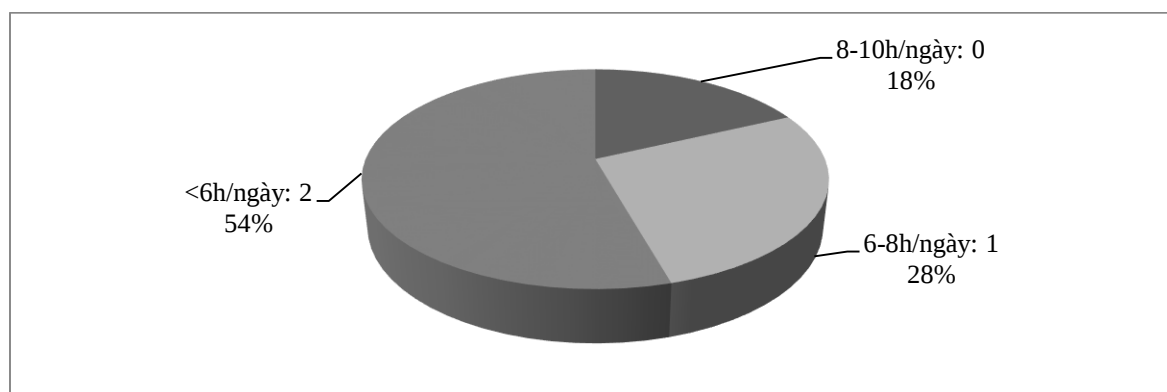


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

Hoạt động sản xuất, canh tác của người dân đã có sự thay đổi lớn từ hình thức thủ công, lấy công làm lãi sang hình thức chuyên môn hóa cao hơn với việc thuê mướn nhân công. Về quy trình sản xuất với thời gian nhóm nông hộ dành cho 3 loại cây, kết quả cũng chỉ ra, đa phần nông

dân dành thời gian cho trồng trọt, chăm bón không đến 6h/ngày. Quan sát thực tiễn cũng cho thấy, các công đoạn phun, hái, thu hoạch quả đều được các hộ dân thuê như: bao quả xoài, phun thuốc cho vườn sầu riêng...

Hình 4: Thời gian làm việc của chủ hộ để sản xuất nông sản

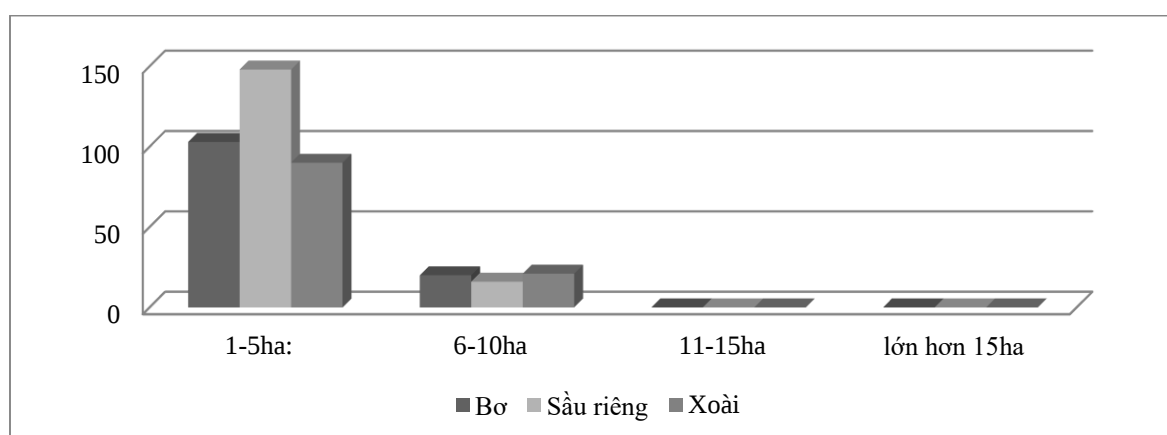


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đăk Lăk, tháng 7/2020

Sự trôi sụt về giá nông sản dẫn đến quy mô trồng trọt của các hộ dân chưa được mở rộng, sự manh mún trong trồng trọt vẫn xuất hiện nhiều tại khu vực khảo sát. Về quy mô trồng trọt, nhìn chung các hộ dân vẫn tập trung vào diện tích từ 1-5 ha. Diện tích trồng trọt chủ yếu do người dân mua lại (tương ứng với tỷ lệ người Kinh di cư lên khai hoang lớn). Khảo sát thực tiễn cho thấy, đơn giá cho mỗi ha đất nông nghiệp tại 3 huyện khảo sát đang quá cao (từ 1-2

tỷ/ha), điều này cho thấy khả năng các hộ mở rộng quy mô là thấp. Bên cạnh đó, một số nhân tố khách quan như sự trôi sụt về giá hàng nông sản trong 3 năm trở lại đây, dẫn đến tâm lý e ngại của người dân khi mua đất để mở rộng diện tích trồng trọt, hay giới lao động trẻ không muốn làm nông nghiệp, di cư xuống các tỉnh khác làm công nhân trong các khu công nghiệp với mức lương ổn định hơn đang trở thành xu hướng phổ biến tại các làng quê.

Hình 5: Diện tích cây trồng



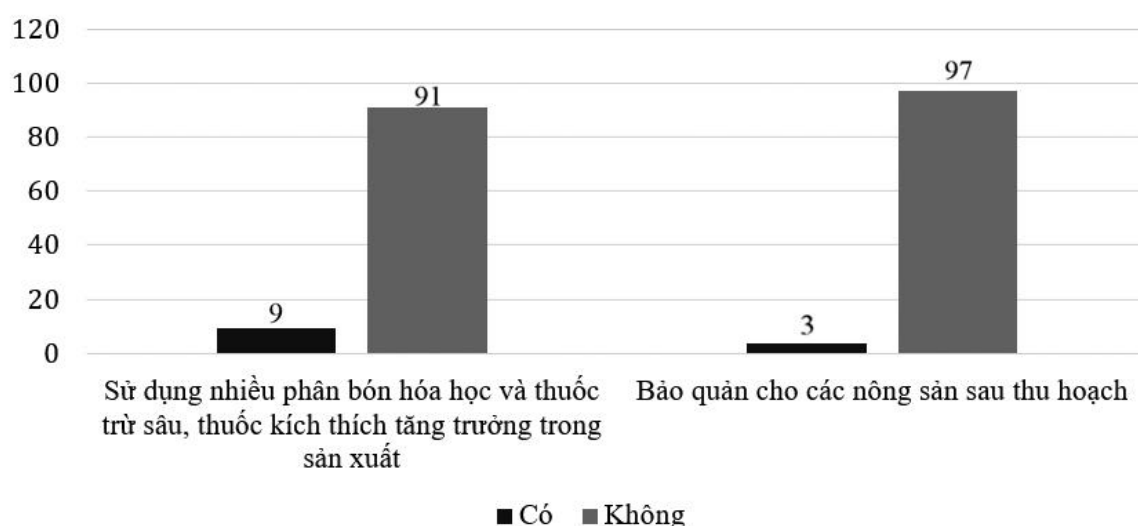
Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đăk Lăk, tháng 7/2020

Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi cũng như phương pháp canh tác hợp lý tạo ra những sản phẩm chất lượng ngày càng cao: khí hậu, thổ nhưỡng của Đắc Lắc rất phù hợp với việc trồng các loại cây (bơ, xoài, sầu riêng), bên cạnh đó, việc chuyên môn hóa các công đoạn phun thuốc, bảo quản, chăm sóc, hay là thực hiện theo đúng chuẩn VietGAP, hữu cơ (100% thành viên HTX hữu cơ Krông Pắc áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ đối với cây sầu riêng), đã tạo ra sản lượng trung bình/vụ đối với mỗi hộ đạt hơn 400 kg.

Các sản phẩm nông sản Đắc Lắc đang dần lấy lại niềm tin người tiêu dùng bằng việc hạn chế sử dụng các hóa chất, hướng đến canh tác theo hướng hữu cơ. Nhiều người tiêu dùng hiện còn đang nghi ngờ với chất lượng hàng nông sản nói chung của người nông dân, hay mất niềm tin với

những nhãn hiệu hàng nông sản, chứng nhận VietGAP, hữu cơ, đánh đồng các sản phẩm áp dụng đúng quy trình kỹ thuật với các sản phẩm trôi nổi, không kiểm soát, dẫn đến không có sự chênh lệch về giá... Những hệ lụy như vậy dẫn đến việc người dân không còn mặn mà với việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, tìm mọi phương thức để tăng năng suất, sản lượng... Tuy nhiên, kết quả khảo sát 3 sản phẩm tại Đắc Lắc cho thấy, trong tổng số 100 hộ nông dân tham gia trả lời bảng hỏi, chỉ có 9 hộ dân cho rằng, họ sử dụng nhiều hóa chất, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng trong quá trình sản xuất. Kết quả này được nhóm nghiên cứu khẳng định qua phỏng vấn sâu các HTX Krông Pắc với sản phẩm sầu riêng hữu cơ hay sản phẩm xoài của Ea Súp.

Hình 6: Sử dụng chất bảo quản trong sản xuất và sau thu hoạch

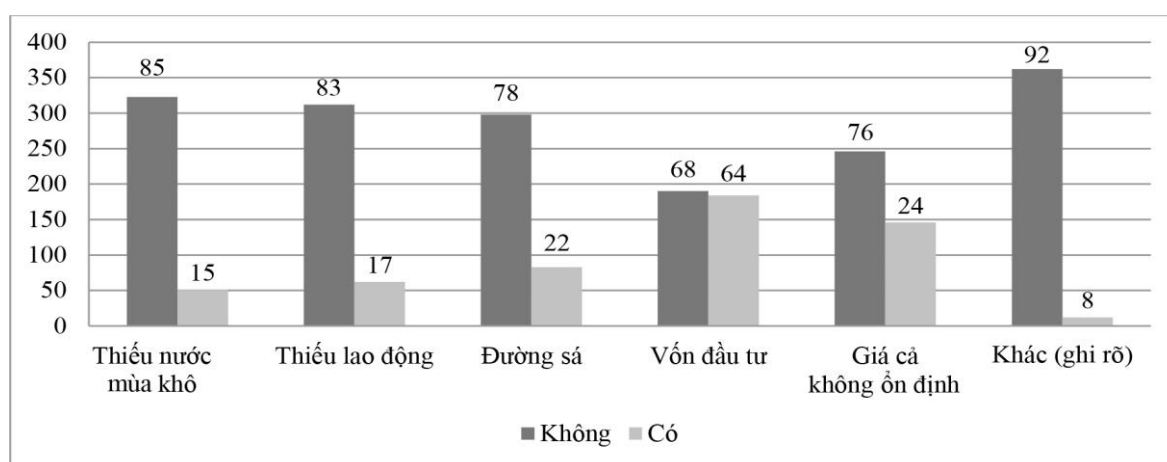


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắc Lắc, tháng 7/2020

Cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn còn thiếu hụt, việc di cư lao động của lớp trẻ dẫn đến những khó khăn cho người dân sản xuất. Mặc dù trong 3 năm trở lại đây, các hộ nông dân ở Đắc Lắc đều đạt được sản lượng bơ, xoài, sầu riêng cao/vụ/ha; song, hầu hết các hộ dân đều cho rằng, họ đang gặp những khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể: có đến 85 hộ dân gặp

khó khăn trong việc tưới tiêu những vườn sầu riêng, xoài vào mùa khô; 83 hộ dân thường xuyên bị thiếu nguồn lực lao động trong gia đình vào sản xuất (tỷ lệ lớn con cái học hành, hoặc đi lao động ở các thành phố lớn) hay cơ sở hạ tầng cứng như: đường giao thông kết nối giữa các buôn làng, trang trại với khu vực thành phố còn nhiều hạn chế...

Hình 7: Khó khăn trong sản xuất của các nông hộ



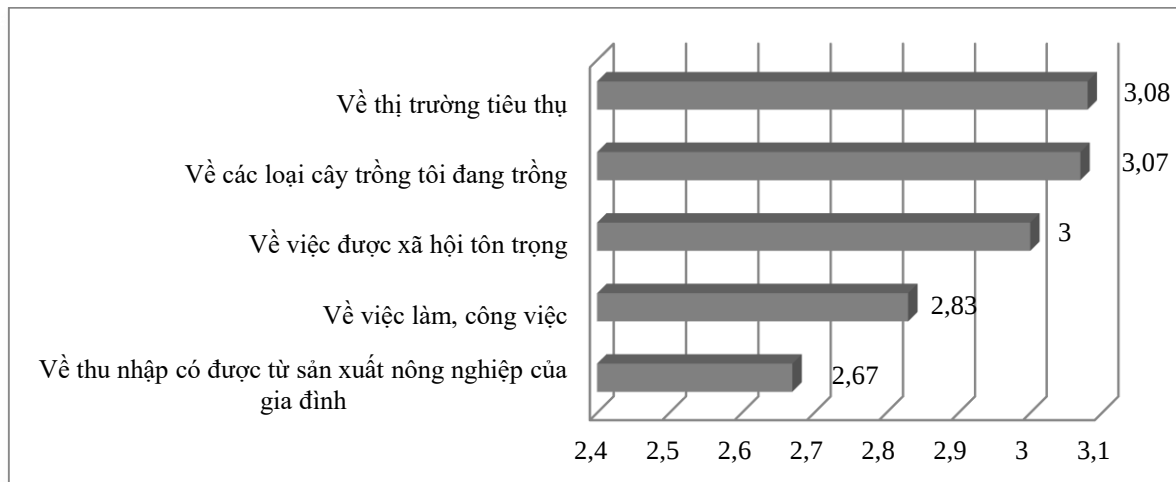
Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắc Lắc, tháng 7/2020

Các hộ dân đều hài lòng với thu nhập từ việc trồng trọt các sản phẩm cây trồng chính. Mặc dù còn khó khăn trong sản xuất, tuy nhiên, đa phần người dân đều cho rằng, họ khá hài lòng với kết quả sản xuất kinh doanh trong những năm qua. Kết quả này được chúng tôi kiểm chứng qua thang đo liker với 5 mức độ lựa chọn. Phương pháp đánh giá với giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5-1)/5 = 0,8$. Ý nghĩa các mức như sau: 1,00-1,80: rất không hài lòng; 1,81-2,60: không hài lòng; 2,61-3,40: không biết/ không ý kiến; 3,41-4,20: hài lòng; 4,21-5,00: rất hài lòng.

Kết quả kiểm chứng cho thấy, các chỉ số đánh giá như các loại cây đang trồng (bơ, xoài,

sầu riêng) hay thậm chí về thị trường tiêu thụ (cả trong và ngoài nước) cho đến thời điểm hiện tại đều đạt mức độ hài lòng về kết quả đạt được. Các chỉ số khác như tạo ra thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, hay giải quyết công ăn việc làm cho gia đình, cho thấy, hầu hết các hộ dân không hài lòng với những tiêu chí này. Điều này được khẳng định khi đa số con em của các hộ nông dân lớn lên đều muốn thoát ly, làm công nhân, lao động phổ thông ở các thành phố lớn (Nha Trang, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...) để có thu nhập ổn định cũng như cơ hội được kết bạn với các lao động từ các địa phương khác...

Hình 8: Mức độ hài lòng sản xuất kinh doanh



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đăk Lăk, tháng 7/2020

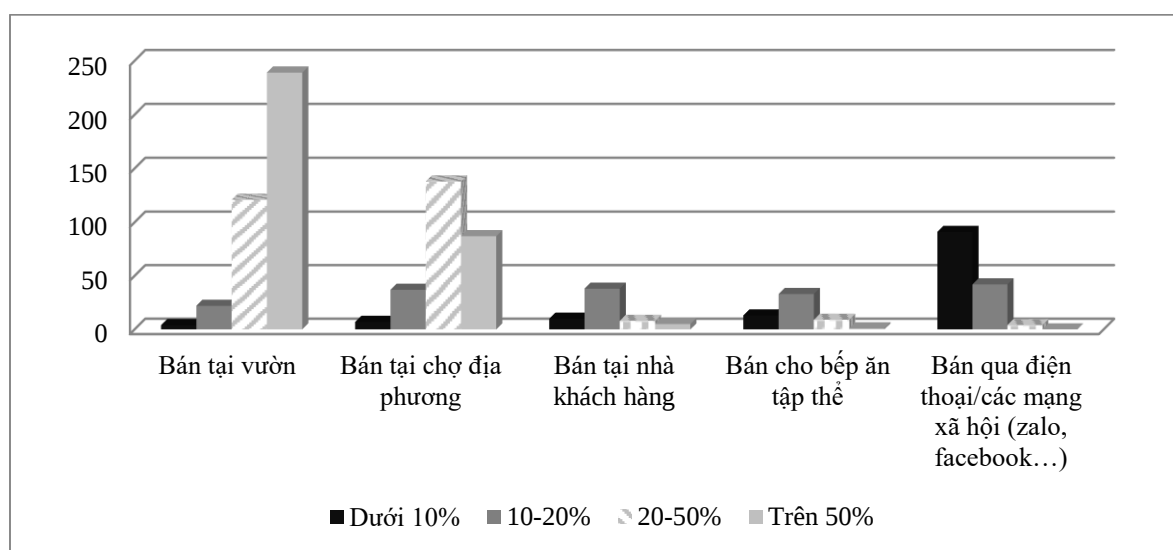
3. Triển vọng của chuỗi cung ứng ngắn nông sản ở Đăk Lăk

Hình thức bán hàng trực tiếp, hay giảm thiểu các khâu trung gian (chuỗi cung ứng ngắn) chưa được phổ biến tại Đăk Lăk. Xây dựng mô hình kiểm chứng phương thức bán hàng của các hộ nông dân, chúng tôi áp dụng theo khung lý thuyết về chuỗi cung ứng ngắn với 3 phương thức bán hàng chủ yếu là bán trực tiếp, bán qua HTX và bán qua các hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Kết quả của 100 hộ dân phản ánh: các hộ dân không đưa các sản phẩm của mình ra ngoài đường phố bán (bán rong, với 94 hộ), 79 hộ không bán sản phẩm vào siêu thị (điều này có thể khẳng định việc đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị đòi hỏi đơn vị cung cấp phải có tư cách pháp nhân như HTX hoặc các doanh nghiệp chuyên về cung ứng sản phẩm), bán hàng qua các mạng xã hội như: zalo, facebook, lazada... hay mô hình bán sản phẩm cho các bếp ăn tập thể tại các

công sở, nhà máy, trường học cũng không được áp dụng phổ biến. Hình thức phổ biến mà các hộ dân bán các sản phẩm của mình chính là bán tại vườn (71 hộ dân) hay bán cho các cửa hàng rau quả địa phương (77 hộ dân). Như vậy, theo lý thuyết về chuỗi cung ứng ngắn thì hình thức bán tại vườn chỉ được xem là một trong những hình thức cung ứng của chuỗi ngắn khi người tiêu dùng mua trực tiếp tại vườn của hộ nông dân.

Để kiểm chứng kết quả ghi nhận được từ việc bán hàng, chúng tôi tìm hiểu tỷ lệ % bán hàng của các hộ dân cho người tiêu dùng trong tổng doanh số bán hàng. Kết quả cho thấy, có trên 50% doanh số bán các sản phẩm được bán tại vườn, tỷ lệ bán tại chợ địa phương hay cho các cửa hàng tại địa phương cũng chiếm đến 20-50% doanh số, hình thức bán sản phẩm cho nhà hàng, bếp ăn tập thể, qua các trang mạng xã hội tiếp tục khẳng định không được phổ biến đối với 3 sản phẩm (bơ, xoài, sầu riêng).

Hình 9: Tỷ lệ nông sản bán trực tiếp cho hộ tiêu dùng



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

Xem xét kết quả người mua tại vườn là các thương lái, bán buôn hay người tiêu dùng, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu tỷ lệ nông sản bán tại vườn trực tiếp cho thương lái. Kết quả có đến 84% số hộ khẳng định sản phẩm của họ là bán cho thương lái với doanh số trên 50%, 12% số hộ cho rằng mình bán qua thương lái từ 20-50% doanh số, và chỉ có 4% số hộ trả lời họ bán qua thương lái với doanh số 10-20%.

Như vậy, có thể khẳng định hình thức bán hàng theo đúng chuỗi cung ứng ngắn ở Đắk Lắk mới chỉ manh nha hình thành và chưa áp dụng phổ biến. Điều này có thể thấy, với 3 sản phẩm (bơ, xoài, sầu riêng) thì việc bán sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng Đắk Lắk rất khó khăn khi mà mức thu nhập của người dân Đắk Lắk không cao. Hơn nữa, người dân Đắk Lắk có khuynh hướng tiêu dùng những sản phẩm tự có (tự trồng) hơn là mua trực tiếp của người dân, lượng khách du lịch đến mua trực tiếp các sản phẩm nông sản cũng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (kết quả này sẽ được phản ánh cụ thể hơn qua phân tích quan

điểm người tiêu dùng với sản phẩm địa phương). Hình thức bán trực tiếp qua các mạng xã hội hay bếp ăn tập thể cũng chỉ mới được áp dụng ở một tỷ lệ nhỏ ở các hộ dân. Đây chính là một trong những khoảng trống mà các cơ quan chức năng Đắk Lắk cần tính đến khi muốn thúc đẩy kênh phân phối sản phẩm theo hình thức chuỗi cung ứng ngắn.

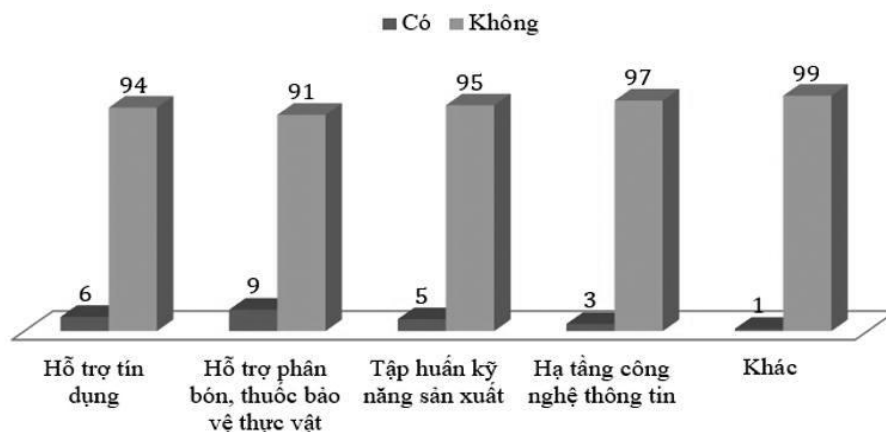
Tham gia vào SFSC chính là cơ hội để người dân có dịp tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng, giải thích được chất lượng sản phẩm cũng như nắm bắt rõ hơn nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, từ đó có những phương thức sản xuất phù hợp hơn. Tuy nhiên, như chúng tôi đã phân tích ở trên, phương thức bán hàng qua chuỗi ngắn ở Đắk Lắk mới chỉ manh nha ở một số hộ dân, hình thức bán chủ yếu vẫn qua các thương lái. Tìm hiểu sâu hơn về chuỗi cung ứng này, nhận thấy, các thương lái sau khi thu mua (sầu riêng, bơ, xoài) thì sắp xếp, phân loại, đóng gói và tiếp tục bán buôn cho các đầu mối tại các thành phố lớn như: Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Hà Nội...

Xu hướng xây dựng chuỗi bán sản phẩm nông sản theo hướng ngắn càng trở nên thiết thực và cấp bách hơn khi các thương lái luôn ép giá người sản xuất. Việc không bán được trực tiếp cho người tiêu dùng cũng đồng nghĩa, người nông dân Đắk Lắk thường phải chịu sự ép giá hàng nông sản khi vào vụ, hay tiếp cận lại những thông tin từ người tiêu dùng qua các thương lái. Đặc biệt hơn là việc bán hàng như vậy dẫn đến việc người nông dân chỉ trông trọt chăm sóc cây trồng theo những yêu cầu của thương lái. Điều này tất yếu dẫn đến việc người dân chưa chú trọng đến các khâu marketing sản phẩm, thiết lập kênh phân phối, hay dán nhãn theo các yêu cầu của các cơ quan chức năng đối với từng sản phẩm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có đến hơn 50% hộ dân (78 hộ) cho rằng, việc dán nhãn là không cần thiết, hay không được hướng dẫn từ các cơ quan chức năng; có đến 67 hộ cho rằng, người tiêu dùng không yêu cầu, hay đơn giản là công đoạn dán nhãn sản phẩm do các thương lái chịu trách nhiệm và họ cũng không mất thêm chi phí cho việc dán nhãn này.

Như vậy, có thể khẳng định hoạt động bán hàng của các hộ dân tại Đắk Lắk trong thời gian qua hoàn toàn phụ thuộc vào các thương lái, các nhà bán buôn. Người nông dân thụ động trong việc bán hàng, chưa có chiến lược bán hàng rõ ràng... Với các kết quả như vậy, nhóm nghiên cứu có thể khẳng định tính bền vững trong các chuỗi cung ứng hàng nông sản ở Đắk Lắk không cao.

Hoạt động hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với việc thành lập các chuỗi cung ứng ngắn chưa được quan tâm đúng mức. Để minh chứng cho kết quả này, chúng tôi đo lường kết quả kiểm định sự hỗ trợ chính sách của chính quyền địa phương đối với các hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng nông sản của người nông dân. Kết quả khảo sát cho thấy: 94 hộ dân trả lời phỏng vấn cho rằng, họ không nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương về tín dụng; 91 hộ dân khẳng định, họ không được tập huấn về kỹ thuật canh tác hay bán hàng; gần 100% hộ dân đều cho rằng, họ không nhận được bất kỳ hình thức hỗ trợ gì về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hỗ trợ cơ sở hạ tầng...

Hình 10: Có nhận được sự hỗ trợ chính quyền địa phương hay không

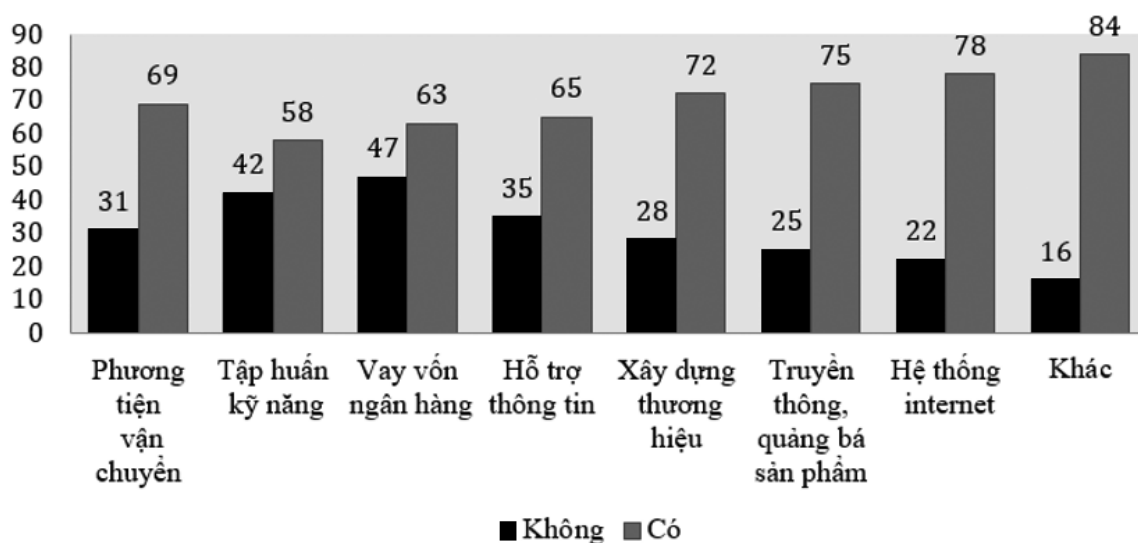


Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

Để đưa ra các đề xuất về mặt chính sách đối với chính quyền địa phương trong các hoạt động trồng trọt, cung ứng và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi cung ứng ngắn, gia tăng cơ hội tiếp cận người tiêu dùng, duy trì bản sắc sản phẩm địa phương, từ đó nâng cao nhận thức của hộ nông dân trong việc

nâng cao chất lượng sản phẩm..., chúng tôi đã đo lường được mong muốn người dân, cụ thể: hầu hết người dân cho rằng, họ cần hỗ trợ về tín dụng (mua sắm thiết bị máy móc, mở rộng quy mô), hỗ trợ về thông tin (thị trường trong và ngoài nước) xây dựng thương hiệu (vùng xoài Ea Súp) hỗ trợ về kỹ năng...

Hình 11: Cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương



Nguồn: Kết quả khảo sát tại Đắk Lắk, tháng 7/2020

4. Kết luận

Chuỗi cung ứng ngắn đã được minh chứng bởi những luận cứ khoa học có tác động tích cực đến phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững trên các góc độ kinh tế - xã hội và môi trường (Alonso, 2011). Điều đó được đánh giá qua các chỉ số về tạo việc làm (Kawecka, A., Gębarowski, M., 2015), tăng thu nhập của người dân (F. Galli, G. Brunori (eds.), 2013) góp phần làm tăng tương tác xã hội, lòng tin và sự gắn kết xã hội, thúc đẩy mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng (Kawecka, A.,

Gębarowski, M., 2015), cũng như nâng cao kiến thức người dân trong quá trình sản xuất, từ đó giảm thiểu phát thải khí nhà kính (Broderick, S., et al., 2011).

Lợi ích của chuỗi cung ứng ngắn đối với sự phát triển bền vững kinh tế địa phương, đặc biệt đối với các hộ nông dân, trang trại sản xuất nhỏ, nhóm người yếu thế dễ bị tổn thương ngày càng nhận được sự quan tâm của chính phủ tại các quốc gia phát triển thông qua việc thể chế hóa thành luật (Pháp, Ý, Ba Lan) (Bùi Việt Hưng, 2020). Tại Đắk Lắk, phương thức bán sản phẩm của người dân đối với một số mặt hàng

nông sản (bơ, xoài, sầu riêng) cũng đã mạnh nhen theo các hình thức của chuỗi cung ứng ngắn. Tuy nhiên, việc định hình và phát triển theo đúng kênh phân phối và cung ứng sản phẩm nông sản từ người nông dân đến tay người tiêu dùng vẫn chưa thực sự được chính quyền địa phương quan tâm đúng mức. Kết quả khảo sát phân tích cho thấy, các hộ dân sản xuất tại Đăk Lăk đã áp dụng các quy chuẩn trong sản xuất (áp dụng tiêu chuẩn VietGAP) hạn chế sử dụng hóa chất (chỉ có 9 hộ dân cho rằng, họ sử dụng nhiều hóa chất, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng trong quá trình sản xuất). Bên cạnh đó, mặc dù các hộ dân đều khá hài lòng với thu nhập từ việc trồng các nông sản chủ lực, song họ vẫn gặp nhiều những khó khăn về cơ sở hạ tầng, hay sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kênh phân phối...

Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai. Theo đó, ba trụ cột phát triển bền vững được xác định là: (1) bền vững về mặt kinh tế, hay phát triển kinh tế bền vững, là phát triển nhanh và an toàn, chất lượng; (2) bền vững về mặt xã hội, là công bằng xã hội và phát triển con người với chỉ số phát triển con người (HDI) là tiêu chí cao nhất về phát triển xã hội, bao gồm: thu nhập bình quân đầu người; trình độ dân trí, giáo dục, sức khỏe, tuổi thọ, mức hưởng thụ về văn hóa, văn minh; (3) bền vững về sinh thái môi trường là khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng môi trường sống. Chính vì vậy, việc xây dựng một chuỗi cung ứng ngắn cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh với việc ban hành các quy định để điều

chỉnh cơ chế hoạt động của các bên tham gia chuỗi như: quy định an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình sản xuất, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc sản phẩm... là rất cần thiết. Điều này sẽ giúp tạo ra những sản phẩm nông sản có chất lượng cao, ít dư lượng hóa chất và thân thiện với môi trường, từ đó làm cơ sở gây dựng được niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm địa phương, tạo ra sự bền vững hơn về tiêu thụ sản phẩm, mang lại giá trị gia tăng cho người nông dân... Triển khai chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản sẽ góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững cả về kinh tế - xã hội và môi trường, cải thiện thu nhập của các nông hộ, đảm bảo công bằng trong từng bước phát triển của Đăk Lăk trong thời gian tới.

Chú thích

⁴ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 01/2019/NCUD.

Tài liệu tham khảo

1. Lan Anh (2019), “Tạo động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2020”, <http://baodaklak.vn/channel/3483/201912/tao-dong-luc-tang-truong-kinh-te-xa-hoi-nam-2020-5660319>, truy cập ngày 10/5/2020.
2. Bùi Việt Hưng (2020), “Xây dựng chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông sản: Những kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp”, *Tạp chí Cộng sản*, số 6.
3. Bùi Việt Hưng, Đào Thị Phương Liên (2020) “Chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông sản tại Ba Lan: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số 4.

4. Alonso (2011), "A. Farmers' Involvement in Value-Added Produce: The Case of Alabama Growers", Br. Food J. 2011, 113, 187-204., <https://ro.ecu.edu.au/ecuworks2011/268/>, truy cập ngày 5/3/2021.
5. Broderick, S.; Wright, V.; Kristiansen, P. Cross-Case (2011), Analysis of Producer-Driven Marketing Channels in Australia, https://halshs.archives-ouvertes.fr/hal-01419767v1/html_references, truy cập ngày 15/4/2021.
6. F. Galli, G. Brunori (eds.) (2013), *Short Food Supply Chains as drivers of sustainable development. Evidence Document*, https://www.researchgate.net/publication/262933441_Short_Food_Supply_Chains_as_drivers_of_sustainable_development_Evidence_Document, truy cập ngày 10/4/2021.
7. Kawecka, A., Gębarowski, M. (2015), *Short food supply chains - benefits for consumers and food producers*, https://www.researchgate.net/publication/310387576_SHORT_FOOD_SUPPLY_CHAINS_-_BENEFITS_FOR_CONSUMERS_AND_FOOD_PRODUCERS/ink/58c9b018aca27286b3af9f30/download, truy cập ngày 5/4/2021.
8. Marsden, T., J. Banks, e G. Bristow (2000), "Food supply chain approaches: exploring their role in rural development", <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/1467-9523.00158>, truy cập ngày 15/4/2021.
9. Renting H., Marsden T., Banks J. (2003) "Understanding alternative food networks: exploring the role of short food supply chains in rural development. Environment and Planning A 2003", <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.470.7601&rep=rep1&type=pdf>, truy cập ngày 10/4/2021.
10. Pearson, D.; Henryks, J.; Trott, A.; Jones, P.; Parker, G.; Dumaesq, D.; Dyball, R. Local Food (2011), "Understanding Consumer Motivations in Innovative Retail Formats", <https://www.researchgate.net/publication/234118915>, truy cập ngày 20/4/2021.
11. Bui Thi Nga.; Nguyen, A.H.; Le, T.T.H.; Nguyen, Hung Bui Viet.; Tran, T.T.H.; et al. (2021), "Can a Short Food Supply Chain Create Sustainable Benefits for Small Farmers in Developing Countries? An Exploratory Study of Vietnam", https://www.mdpi.com/journal/sustainability/special_issues/Sustainable_Rural_Economics_Development_in_Developing_Countries, truy cập ngày 10/4/2021.